

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Bảng giá tối thiểu tính lệ phí trước bạ một số loại tài sản như:
tàu thuyền, ô tô, xe máy, súng săn, súng thể thao

CỤC TRƯỞNG CỤC THUẾ

Căn cứ Pháp lệnh Phí, Lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28/08/2001;

Căn cứ Nghị định số 176/1999/NĐ-CP ngày 21/12/1999 của Chính phủ về LPTB;

Căn cứ Thông tư số 95/2005/TT-BTC ngày 26/10/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các qui định của pháp luật về lệ phí trước bạ;

Căn cứ Thông tư số 02/2007/TT-BTC ngày 08/01/2007 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2005/TT-BTC ngày 26/10/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các qui định của pháp luật về lệ phí trước bạ;

Căn cứ Quyết định số 49/2007/QĐ-BTC ngày 15/06/2007 của Bộ Tài chính qui định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thuế trực thuộc Tổng cục Thuế;

- Căn cứ Quyết định số 2983/QĐ-UBND ngày 29/12/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc “Ủy quyền cho Cục trưởng Cục thuế thành phố Hà Nội ký Quyết định ban hành Bảng giá tối thiểu tính lệ phí trước bạ các loại tài sản như: tàu, thuyền, ô tô, xe máy, súng săn, súng thể thao áp dụng trên địa bàn thành phố Hà Nội”;

- Căn cứ giá cả trên thị trường thành phố Hà Nội ở thời điểm hiện tại;

- Căn cứ biên bản liên ngành của phòng Tổng hợp nghiệp vụ dự toán Cục Thuế và ban Giá Sờ Tài Chính Hà Nội ngày 20/8/2009 về việc thống nhất mức giá tối thiểu tính lệ phí trước bạ các loại ô tô, xe máy áp dụng trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Theo đề nghị của Phòng Tổng hợp Nghiệp vụ Dự toán Cục thuế Thành phố Hà Nội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung, điều chỉnh giá tính lệ phí trước bạ các loại ô tô tại các quyết định trước đây của Cục Thuế thành phố Hà Nội như sau:

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

ST T	LOẠI TÀI SẢN	GIÁ TÍNH LPTB XE MỚI SẢN XUẤT NĂM				
		1999- 2000	2001- 2002	2003- 2004	2005- 2006	2007- 2009
CHƯƠNG I: XE Ô TÔ DO CÁC HÃNG NHẬT BẢN SẢN XUẤT						
I. XE Ô TÔ CHỖ NGƯỜI DƯỚI 10 CHỖ NGỒI (KÈ CẢ VỪA CHỖ NGƯỜI VỪA CHỖ HÀNG HOÁ)						
12	NHÃN HIỆU TOYOTA					
	TOYOTA COROLLA					
	LE 1.8; 05chỗ	450	500	550	610	761
	TOYOTA HIGHLANDER					
	2.7; 05 chỗ	690	770	860	950	1.188
	TOYOTA CAMRY					
	SE 2.5; 05chỗ	600	670	740	820	1.024
CHƯƠNG II: XE Ô TÔ DO CÁC HÃNG ĐỨC SẢN XUẤT						
I. XE Ô TÔ CHỖ NGƯỜI DƯỚI 10 CHỖ NGỒI (KÈ CẢ VỪA CHỖ NGƯỜI VỪA CHỖ HÀNG HOÁ)						

	AUDI TT					
	ROADSTER 2.0; 02chỗ	1.040	1.150	1.280	1.420	1.776
7	NHÂN HIỆU WOLKSWAGEN					
	WOLKSWAGEN NEW BEETLE					
	2.5; 04 chỗ	590	650	720	800	1.000

Điều 2. Bổ sung, điều chỉnh giá tính lệ phí trước bạ các loại xe máy tại các quyết định trước đây của Cục Thuế thành phố Hà Nội như sau:

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

STT	LOẠI TÀI SẢN	GIÁ XE MỚI
	CHƯƠNG I: XE MÁY DO CÁC HÃNG NHẬT BẢN SẢN XUẤT	
1	NHÂN HIỆU HONDA	
	ICON 110cc	27,5

Điều 3. Điều chỉnh số loại xe đã ban hành tại quyết định số 13717/QĐ-CT-THNVDT ngày 14/8/2009 của Cục Thuế TP Hà Nội:

ĐÃ BAN HÀNH	ĐIỀU CHỈNH
CHƯƠNG IX: XE Ô TÔ DO VIỆT NAM SẢN XUẤT	
I. XE Ô TÔ CHỖ NGƯỜI (KỂ CẢ VỪA CHỖ NGƯỜI VỪA CHỖ HÀNG HOÁ)	
NHÂN HIỆU TOYOTA	
COROLLA ZZE143L-GEMGKH 1.8; 05chỗ	COROLLA ZZE142L-GEMGKH 1.8; 05chỗ

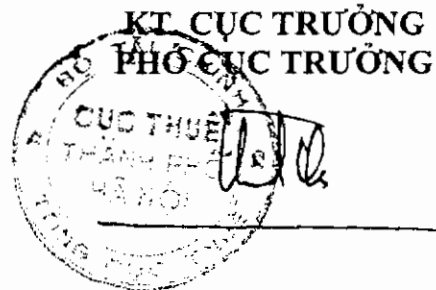
Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký đối với việc tính, thu lệ phí trước bạ và được áp dụng trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

Điều 5. Phòng Tổng hợp nghiệp vụ dự toán, các Phòng Thanh tra thuế, các Phòng Kiểm tra thuế thuộc văn phòng Cục Thuế, các Chi cục Thuế quận, huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *sm*

Nơi nhận: 54

- Bộ Tài chính;
- Tổng cục thuế;
- UBND thành phố Hà Nội;
- Sở Tài chính Hà Nội; (để phối hợp)
- Như điều 4; (để thực hiện)
- Lưu: HCLT, THNVDT (3 bản).

(để
báo
cáo)



Thái Dũng Tiến